

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 24/2015/NQ-HĐND

*Kon Tum, ngày 10 tháng 12 năm 2015*

**NGHỊ QUYẾT**

**Ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức  
phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà  
nước giai đoạn 2016 - 2020 tỉnh Kon Tum**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KON TUM  
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 11**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 21 tháng 6 năm 2003;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 01/2002/QH11 và Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước sửa đổi số 83/2015/QH13;

Căn cứ Nghị quyết số 1032/NQ-UBTVQH13 ngày 28 tháng 8 năm 2015 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum tại Tờ trình số 100/TTr-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2015 về ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 tỉnh Kon Tum; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến tham gia của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 tỉnh Kon Tum.

**Điều 2.** Đối tượng và phạm vi áp dụng

1. Các Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước quy định tại Điều 1 Nghị quyết này là căn cứ để lập kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 của các cấp, các ngành và các đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước của tỉnh Kon Tum. Đồng thời là căn cứ để quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các sở, ban, ngành và các đơn vị khác thuộc tỉnh; các huyện, thành phố trực thuộc tỉnh và các đơn vị khác sử dụng vốn ngân sách nhà nước tỉnh Kon Tum (*gọi tắt là các sở, ban, ngành và địa phương*).

b) Cơ quan, tổ chức cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020.

**Điều 3.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2015./.

**CHỦ TỊCH**  
**Nguyễn Văn Hùng**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**CÁC NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ VÀ ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ  
VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC  
GIAI ĐOẠN 2016 - 2020**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2015/NQ-HĐND  
ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum)*

**I. CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2016 - 2020**

Thực hiện đúng theo quy định của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2015, vốn đầu tư phát triển thuộc nguồn ngân sách nhà nước được bố trí để chuẩn bị đầu tư và thực hiện dự án hạ tầng kinh tế xã hội không có khả năng hoàn vốn trực tiếp hoặc không xã hội hóa được thuộc ngành, lĩnh vực sau:

1. Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản: Các dự án thủy lợi, hạ tầng phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và phát triển rừng bền vững; phát triển thủy sản; phát triển giống cây trồng, vật nuôi; các dự án phòng, tránh thiên tai, bão lụt, hạn hán.

2. Công nghiệp: Các dự án hạ tầng khu kinh tế cửa khẩu, hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp; mạng lưới điện nông thôn, miền núi; mạng lưới điện phục vụ quốc phòng, an ninh; sản xuất năng lượng tái tạo.

3. Thương mại: Các dự án chợ dân sinh, chợ đầu mối, trung tâm logistic, trung tâm hội chợ triển lãm, kết cấu hạ tầng xuất khẩu, nhập khẩu.

4. Giao thông: Các dự án hạ tầng giao thông đường bộ, đường thủy nội địa.

5. Cấp thoát nước và xử lý rác thải, nước thải: Các dự án cấp nước, thoát nước, xử lý chất thải.

6. Kho tàng: Các dự án kho tàng, kho lưu trữ chuyên dụng, lưu giữ hàng dự trữ quốc gia, lưu trữ hồ sơ, tài liệu, kho vật chứng.

7. Văn hóa: Các dự án đầu tư xây dựng, tu bổ, tôn tạo di sản văn hóa thế giới, các di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia; bảo tồn văn hóa truyền thống, các dự án văn hóa.

8. Thể thao: Các dự án thuộc lĩnh vực hạ tầng thể dục, thể thao.

9. Du lịch: Các dự án hạ tầng kỹ thuật nhằm phát triển du lịch bền vững tại các khu, điểm, địa bàn du lịch.

10. Khoa học, công nghệ: Các dự án đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho các tổ chức khoa học và công nghệ; các phòng thí nghiệm, xưởng thực nghiệm; các trung tâm phân tích, kiểm nghiệm, kiểm định; các phòng thiết kế chuyên dụng trong lĩnh vực khoa

học tự nhiên và kỹ thuật; các trung tâm ứng dụng và chuyển giao công nghệ, các chi cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng; các trạm, trại thực nghiệm; khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

11. Thông tin: Các dự án phục vụ hoạt động xuất bản, thông tấn, báo chí, phát thanh, truyền hình tiếng dân tộc và thực hiện nhiệm vụ chính trị, xã hội, công ích thiết yếu.

12. Truyền thông: Các dự án viễn thông phục vụ mục tiêu quốc phòng, an ninh, đảm bảo an toàn thông tin quốc gia.

13. Công nghệ thông tin: Các dự án đầu tư hạ tầng ứng dụng công nghệ thông tin; bảo mật và an toàn thông tin điện tử trong cơ quan nhà nước; hạ tầng công nghệ thông tin cung cấp dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp; hạ tầng thương mại điện tử, giao dịch điện tử.

14. Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp: Các dự án đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị các cơ sở giáo dục, đào tạo và cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các cấp học từ mầm non đến đại học và hạ tầng kỹ thuật các khu đại học.

15. Y tế, dân số và vệ sinh an toàn thực phẩm: Các dự án bệnh viện, các cơ sở y tế, trung tâm kiểm nghiệm, kiểm định, giám định của cơ quan quản lý chuyên ngành.

16. Xã hội: Các dự án nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công; hỗ trợ việc làm; chăm sóc, điều dưỡng sức khỏe cán bộ, công chức; cai nghiện và các dự án trợ giúp xã hội khác; các dự án cải tạo, nâng cấp các dự án ghi công liệt sỹ.

17. Tài nguyên và môi trường: Các dự án trong lĩnh vực đo đạc bản đồ, khí tượng thủy văn, thăm dò địa chất và khoáng sản, nguồn nước; quan trắc cảnh báo môi trường; bảo vệ tài nguyên, khắc phục ô nhiễm môi trường, tăng trưởng xanh, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.

18. Quản lý nhà nước: Các dự án trụ sở các cơ quan Đảng, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp; trụ sở của các cơ quan chuyên môn trực thuộc Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp, trụ sở các cơ quan tư pháp và các tổ chức chính trị - xã hội được cấp có thẩm quyền cho phép đầu tư.

19. Quốc phòng, an ninh: Các dự án phục vụ mục tiêu quốc phòng, an ninh, đảm bảo trật tự, an toàn xã hội, ứng phó với sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

## **II. NGUYÊN TẮC CHUNG VỀ PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2016-2020**

1. Nguyên tắc chung phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 của tỉnh

a) Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 phải tuân thủ Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách Nhà nước, Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản pháp luật có liên quan.

b) Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động của các sở, ban, ngành và địa phương.

c) Việc phân bổ kế hoạch đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước phải thực hiện các mục tiêu, định hướng phát triển tại Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đến năm 2020, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 của tỉnh, của các ngành, lĩnh vực, địa phương, các quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội cấp huyện và các quy hoạch ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu đã được phê duyệt.

d) Phù hợp với khả năng cân đối vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước và thu hút các nguồn vốn đầu tư của các thành phần kinh tế khác; bảo đảm các cân đối vĩ mô, ưu tiên an toàn nợ công.

đ) Bố trí tập trung, khắc phục tình trạng phân tán, dàn trải, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư. Chỉ bố trí vốn cho các dự án đã đủ thủ tục đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật có liên quan.

e) Tập trung bố trí vốn để hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ thực hiện chương trình, dự án trọng điểm có ý nghĩa lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; các vùng kinh tế động lực theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; các vùng đặc biệt khó khăn; cơ sở hạ tầng khu trung tâm hành chính mới của tỉnh; hoàn trả các khoản vốn ngân sách nhà nước ứng trước kế hoạch; các khoản vốn vay ngân sách địa phương.

g) Việc bố trí vốn kế hoạch đầu tư nguồn ngân sách nhà nước trung hạn theo từng ngành, lĩnh vực, chương trình trong giai đoạn 2016 - 2020 theo thứ tự ưu tiên như sau:

- Ưu tiên bố trí vốn cho các dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn; dự án dự kiến hoàn thành trong kỳ kế hoạch; vốn đối ứng cho các dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư;

- Dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt;

- Dự án khởi công mới đáp ứng yêu cầu quy định tại Khoản 5 Điều 54 của Luật Đầu tư công và Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công.

h) Dành lại dự phòng 10% tổng mức vốn kế hoạch đầu tư trung hạn của ngân sách địa phương để xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016 - 2020;

i) Bảo đảm công khai, minh bạch trong việc lập, phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công.

2. Nguyên tắc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 của các huyện, thành phố

Các huyện, thành phố thực hiện việc phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 theo các nguyên tắc chung quy định tại Điểm 1 nêu trên và các nguyên tắc cụ thể dưới đây:

a) Các huyện, thành phố dự kiến phân bổ chi tiết 90% tổng mức vốn kế hoạch đầu tư trung hạn theo danh mục và mức vốn cho từng dự án báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt; dành lại dự phòng 10% tổng mức vốn kế hoạch đầu tư trung hạn để xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch đầu tư trung hạn của địa phương mình.

b) Về bố trí vốn để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản và chi trả các khoản nợ vay đến hạn:

- Các huyện, thành phố phải bố trí đủ vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn trong từng ngành, lĩnh vực, chương trình để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản và trả các khoản nợ vay đến hạn; phần còn lại bố trí cho các dự án hoàn thành, đối ứng các dự án sử dụng vốn Chương trình mục tiêu theo quyết định được cấp có thẩm quyền phê duyệt, dự án chuyển tiếp. Số vốn còn lại (nếu có) mới được phép bố trí khởi công các dự án mới.

- Khi chưa bố trí đủ vốn để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản, trả nợ vay đến hạn, bố trí cho các dự án hoàn thành, chuyển tiếp theo tiến độ... các huyện, thành phố không được bố trí kế hoạch đầu tư trung hạn để khởi công các dự án mới, trừ trường hợp đặc biệt do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

### **III. NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ VÀ ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CHO CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ**

#### **1. Nguyên tắc xây dựng tiêu chí và định mức phân bổ**

- Phải đảm bảo phù hợp với các quy định của Luật Đầu tư công và Luật ngân sách nhà nước.

- Các tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách địa phương cho các huyện, thành phố thực hiện cho cả giai đoạn 2016 - 2020;

- Bảo đảm tương quan hợp lý giữa việc phục vụ các mục tiêu phát triển các trung tâm chính trị, kinh tế của cả tỉnh, các vùng kinh tế trọng điểm, với việc ưu tiên hỗ trợ các vùng miền núi, biên giới, vùng đồng bào dân tộc và các vùng khó khăn khác để góp phần thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển kinh tế, thu nhập và mức sống của dân cư giữa các vùng trong tỉnh;

- Bảo đảm sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư của ngân sách nhà nước, tạo điều kiện để thu hút tối đa các nguồn vốn khác cho đầu tư phát triển;

- Bảo đảm tính công khai, minh bạch, công bằng trong việc phân bổ vốn đầu tư phát triển;

- Mức vốn đầu tư phát triển cân đối ngân sách huyện, thành phố không thấp hơn số dự toán năm 2015 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

## 2. Tiêu chí phân bổ vốn đầu tư trong cân đối cho các huyện, thành phố:

Tiêu chí phân bổ vốn đầu tư phát triển trong cân đối (*không bao gồm đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất và các khoản thu quản lý qua ngân sách*) cho các huyện, thành phố gồm 5 nhóm sau đây :

(1) Tiêu chí dân số, gồm: Dân số trung bình và số người dân tộc thiểu số của các huyện, thành phố.

(2) Tiêu chí về trình độ phát triển, gồm: Tỷ lệ hộ nghèo và số thu nội địa ngân sách huyện, thành phố được hưởng (*không bao gồm số thu sử dụng đất, thu xuất nhập khẩu và các khoản thu quản lý qua ngân sách*).

(3) Tiêu chí diện tích tự nhiên của các huyện, thành phố.

(4) Tiêu chí về đơn vị hành chính, gồm: Số đơn vị hành chính cấp xã, phường, thị trấn (*gọi chung là xã*); số xã khu vực I, II, III ; số xã đặc biệt khó khăn; số thôn, tổ dân phố (*gọi chung là thôn*) của từng huyện, thành phố.

(5) Tiêu chí bổ sung, gồm: Xã ATK vùng căn cứ kháng chiến.

## 3. Xác định số điểm của từng tiêu chí cụ thể:

a) Tiêu chí dân số chung: Bao gồm tổng số dân số và số người dân tộc thiểu số năm 2014, cách tính cụ thể như sau:

(1) Điểm của tiêu chí dân số trung bình:

Số dân	Điểm
Dưới 40.000 người, được tính	10
Từ 40.000 người trở lên, cứ tăng thêm 5.000 người, được thêm	0,2

*Dân số trung bình của các địa phương để tính toán điểm được xác định căn cứ vào số liệu công bố của Cục Thống kê tỉnh năm 2014.*

(2) Điểm của tiêu chí số người dân tộc thiểu số

Số dân	Điểm
Dưới 10.000 người là dân tộc thiểu số, được tính	1
Từ 10.000 người trở lên, cứ tăng thêm 1.000 người, được thêm	0,2

*Dân số là người dân tộc thiểu số của các địa phương để tính toán điểm được xác định căn cứ vào số liệu công bố của Cục Thống kê tỉnh năm 2014.*

b) Tiêu chí về trình độ phát triển, bao gồm 2 tiêu chí: Tỷ lệ hộ nghèo và số thu nội địa ngân sách huyện, thành phố được hưởng (*không bao gồm số thu sử dụng đất, thu xuất nhập khẩu và các khoản thu quản lý qua ngân sách*).

(1) Điểm của tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo:

Tỷ lệ hộ nghèo	Điểm
----------------	------

Cứ 01% hộ nghèo, được tính	0,5
----------------------------	-----

*Tỷ lệ hộ nghèo của các huyện, thành phố được xác định căn cứ số liệu thực hiện năm 2014 của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội.*

(2) Điểm của tiêu chí thu nội địa ngân sách huyện, thành phố được hưởng (không bao gồm số thu sử dụng đất, thu xuất nhập khẩu và các khoản thu quản lý qua ngân sách).

<b>Thu nội địa</b>	<b>Điểm</b>
Dưới 20 tỷ đồng, được tính	2
Từ 20 đến dưới 50 tỷ đồng, cứ mỗi tỷ đồng tăng thêm được cộng thêm	0,2
Từ 50 đến dưới 100 tỷ đồng, cứ mỗi tỷ đồng tăng thêm được cộng thêm	0,4
Từ 100 đến dưới 150 tỷ đồng, cứ 5 tỷ đồng tăng thêm được cộng thêm	0,6
Trên 150 tỷ đồng trở lên, cứ 10 tỷ đồng tăng thêm được cộng thêm	0,8

*Số thu nội địa ngân sách huyện, thành phố được hưởng (không bao gồm các khoản thu từ sử dụng đất, thu xuất nhập khẩu và số thu quản lý qua ngân sách) được xác định theo số dự toán ngân sách nhà nước năm 2015 do Ủy ban nhân dân tỉnh giao.*

c) Tiêu chí diện tích tự nhiên

<b>Diện tích tự nhiên</b>	<b>Điểm</b>
Từ 50 nghìn ha trở xuống, được tính	3
Trên 50 nghìn ha trở lên, cứ 10 nghìn ha tăng thêm được cộng thêm	0,1

d) Tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã

(1) Điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã:

<b>Đơn vị hành chính cấp xã phường, thị trấn</b>	<b>Điểm</b>
Từ 10 xã trở xuống, được tính	3
Trên 10 xã, cứ mỗi xã tăng thêm, được cộng thêm	0,3
Mỗi xã khu vực I, được cộng thêm	0,1
Mỗi xã khu vực II, được cộng thêm	0,2
Mỗi xã khu vực III, được cộng thêm	0,3
Mỗi xã đặc biệt khó khăn, được cộng thêm	0,3

(2) Điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp thôn:

<b>Đơn vị hành chính cấp thôn</b>	<b>Điểm</b>
-----------------------------------	-------------



Từ 50 thôn trở xuống, được tính	1
Trên 50 thôn, cứ 5 thôn tăng thêm, được cộng thêm	0,1

*Số đơn vị hành chính cấp xã, thôn căn cứ theo số liệu của Sở Nội vụ cung cấp.*

e) Tiêu chí bổ sung

<b>Đơn vị hành chính cấp xã phường, thị trấn</b>	<b>Điểm</b>
Mỗi xã thuộc vùng ATK, được cộng thêm	0,3

4. Xác định mức vốn đầu tư trong cân đối của các địa phương:

a) Căn cứ vào các tiêu chí trên để tính ra số điểm của từng huyện, thành phố và tổng số điểm của 10 huyện, thành phố làm căn cứ để phân bổ vốn đầu tư trong cân đối, theo phương thức sau:

- Điểm của tiêu chí dân số của một huyện bằng số điểm của tiêu chí dân số cộng với số điểm của tiêu chí số dân tộc thiểu số huyện đó.

- Điểm của tiêu chí trình độ phát triển của một huyện bằng số điểm của tiêu chí tỷ lệ nghèo cộng số điểm của tiêu chí thu nội địa (*không bao gồm các khoản thu từ sử dụng đất, thu xuất nhập khẩu và số thu quản lý qua ngân sách*).

- Điểm của tiêu chí đơn vị hành chính của một huyện, bằng số điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã chung, cộng với số điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã theo khu vực (I, II, III), cộng số điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã đặc biệt khó khăn và cộng với số điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp thôn của huyện đó.

- Điểm của tiêu chí bổ sung của một huyện, bằng số điểm của tiêu chí số xã ATK vùng căn cứ kháng chiến.

- Tổng số điểm của huyện bằng số điểm của tiêu chí dân số, cộng với số điểm của tiêu chí trình độ phát triển, cộng với số điểm của tiêu chí diện tích, cộng với số điểm của tiêu chí đơn vị hành chính và cộng với điểm của tiêu chí bổ sung của huyện đó.

- Tổng số điểm của tỉnh bằng tổng số điểm của 10 huyện thành phố.

b) Số vốn định mức cho 1 điểm phân bổ được tính theo phương thức sau:

Lấy tổng số vốn đầu tư phát triển cân đối ngân sách cho các huyện thành phố (*không bao gồm các khoản thu từ sử dụng đất, thu xuất nhập khẩu và số thu quản lý qua ngân sách*) do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết nghị, chia cho tổng số điểm của tất cả các huyện, thành phố trong tỉnh.

c) Tổng số vốn đầu tư phát triển cân đối ngân sách của từng huyện, thành phố được tính bằng số vốn định mức cho 1 điểm phân bổ nhân với tổng số điểm của huyện đó.

d) Điều chỉnh bất hợp lý:

Sau khi phân bổ theo các tiêu chí và định mức trên, đối với các huyện, thành phố có vốn đầu tư trong cân đối (*không bao gồm các khoản thu từ sử dụng đất, thu xuất nhập khẩu và số thu quản lý qua ngân sách*) năm 2016 thấp hơn kế hoạch năm 2015 do Ủy ban nhân dân tỉnh giao sẽ được điều chỉnh bằng số vốn đầu tư trong cân đối kế hoạch năm 2015.

Riêng đối với huyện Ia H'Drai, sau khi phân bổ theo các tiêu chí và định mức trên, nếu mức vốn đầu tư trong cân đối thấp, sẽ được điều chỉnh bằng với mức vốn đầu tư của địa phương có mức vốn thấp nhất trong 09 huyện, thành phố còn lại.

5. Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách cho các huyện, thành phố (*không bao gồm các khoản thu từ sử dụng đất, thu xuất nhập khẩu và số thu quản lý qua ngân sách*) các năm từ 2017 - 2020 được tính tăng 10% so với dự toán năm trước được Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

6. Đối với các khoản đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và tỷ lệ điều tiết do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định để đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội tại địa phương và tạo nguồn vốn để giải phóng mặt bằng cho đầu tư phát triển.

#### **IV. NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ PHÂN BỔ VỐN NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO CÁC KHOẢN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CHO NGÂN SÁCH CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ**

##### **1. Nguyên tắc chung**

- Phải tuân thủ các nguyên tắc phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm cho chương trình, dự án; điều kiện chương trình, dự án được bố trí vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm được quy định tại Luật Đầu tư công, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công và văn bản chỉ đạo điều hành của Trung ương, của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh về đầu tư công trong giai đoạn 2016 - 2020.

- Thực hiện theo đúng nguyên tắc chung và thứ tự ưu tiên trong bố trí vốn trong từng ngành, lĩnh vực, chương trình nêu tại Mục II Quy định này.

- Các dự án được hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh đều phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư và thẩm định về nguồn vốn và khả năng cân đối vốn. Đối với kế hoạch đầu tư công hằng năm, các dự án phải có quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền.

- Đối với các dự án chuyển tiếp đã được hỗ trợ đầu tư từ ngân sách cấp tỉnh trong giai đoạn 2011 - 2015 và dự án mới chưa được hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh, nhưng trước thời điểm Luật Đầu tư công có hiệu lực thi hành đã được Ủy ban nhân dân tỉnh cho chủ trương hỗ trợ hoặc đã được cơ quan có thẩm quyền thẩm định mức vốn hỗ trợ từ ngân sách cấp tỉnh cụ thể cho từng dự án, thì tiếp tục hỗ trợ từ ngân sách cấp tỉnh cho các dự án đó theo mức vốn đã được cơ quan có thẩm quyền thống nhất hỗ trợ cho đến khi hoàn thành.

2. Nguyên tắc phân bổ vốn hỗ trợ có mục tiêu cho các huyện, thành phố trong giai đoạn 2016 - 2020 cụ thể

(1) Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các vùng kinh tế động lực

a) Phạm vi hỗ trợ

Các vùng kinh tế động lực: Phát triển thành phố Kon Tum gắn với khu công nghiệp Hòa Bình, Sao Mai và các khu đô thị mới (*gọi tắt là thành phố Kon Tum*); phát triển Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y gắn với phát triển thị trấn Plei Kần (*gọi tắt là huyện Ngọc Hồi*); xây dựng và phát triển trung tâm huyện lỵ Kon Plông gắn với Khu du lịch sinh thái Măng Đen (*gọi tắt là huyện Kon Plông*) theo Nghị quyết số 04/2007/NQ-HĐND ngày 27 tháng 3 năm 2007 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Đối tượng hỗ trợ

Các dự án kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội quan trọng của địa phương, có tính kết nối, lan tỏa, có tác động thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, thu hút đầu tư trên địa bàn.

c) Nguyên tắc, mức vốn hỗ trợ

- Nguyên tắc: Thực hiện theo các nguyên tắc chung phân bổ vốn hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách huyện, thành phố nêu tại Điều 1, Mục IV quy định này.

- Mức vốn hỗ trợ:

+ Thành phố Kon Tum: Mức vốn hỗ trợ 30 tỷ đồng/năm.

+ Huyện Ngọc Hồi và huyện Kon Plông: Mức vốn hỗ trợ 10 tỷ đồng/huyện/năm.

(2) Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các xã biên giới Việt Nam - Lào và Việt Nam - Campuchia.

a) Phạm vi hỗ trợ

Các địa phương có các dự án đầu tư tại các xã biên giới đất liền tiếp giáp với Lào và Campuchia.

b) Đối tượng hỗ trợ

- Các dự án giao thông như: Đường nội xã, đường ra biên giới, đường ra cửa khẩu, đường vành đai biên giới, đường tuần tra biên giới;

- Các dự án thủy lợi, cấp nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt cho dân cư; xây dựng các công trình kè ven sông, suối chống xói lở bảo đảm an toàn biên giới.

- Các dự án cơ sở hạ tầng xã hội cho các xã biên giới như: trường học, trạm y tế, nhà công vụ cho giáo viên và cán bộ y tế, nhà nội trú cho học sinh, hệ thống phát thanh, truyền hình, nhà sinh hoạt cộng đồng thôn bản, nhà văn hóa xã, trụ sở xã,...

c) Nguyên tắc, tiêu chí hỗ trợ

- Thực hiện theo các nguyên tắc chung phân bổ vốn hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách huyện, thành phố nêu tại Điều 1, Mục IV quy định này.

- Mức vốn hỗ trợ bình quân 01 tỷ đồng/xã/năm.

(3) Hỗ trợ thực hiện Quyết định 755/QĐ-TTg ngày 20 tháng 3 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ.

*a) Phạm vi hỗ trợ*

Các huyện, thành phố nằm trong Đề án Thực hiện chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2014 - 2015 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, trong đó tập trung ưu tiên hỗ trợ cho các huyện nghèo theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ và Quyết định số 293/QĐ-TTg ngày 05 tháng 02 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ.

*b) Đối tượng hỗ trợ*

Tất cả các hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở các xã, thôn đặc biệt khó khăn theo tiêu chí hộ nghèo quy định tại Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg ngày 30 tháng 01 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng cho giai đoạn 2011 - 2015; sinh sống bằng nghề nông, lâm nghiệp, chưa có hoặc chưa đủ đất ở, đất sản xuất theo hạn mức đất bình quân chung do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định, có khó khăn về nước sinh hoạt; chưa được hưởng các chính sách của nhà nước hỗ trợ về đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt. Các nội dung được hỗ trợ gồm:

- Hỗ trợ trực tiếp đất sản xuất;
- Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán;
- Hỗ trợ mua sắm nông cụ, máy móc làm dịch vụ sản xuất nông nghiệp.

*c) Nguyên tắc, tiêu chí hỗ trợ*

Thực hiện theo Quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Quyết định số 1169/QĐ-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2014 và các văn bản điều chỉnh bổ sung (nếu có).

(4) Hỗ trợ đầu tư các dự án cấp bách khác của các địa phương nhưng chưa cân đối được nguồn vốn đầu tư.

*a) Đối tượng hỗ trợ*

Các công trình cấp bách do các huyện, thành phố quản lý, thuộc ngân sách huyện thành phố đầu tư theo phân cấp quản lý, nhưng không cân đối được nguồn vốn đầu tư.

*b) Nguyên tắc, mức vốn hỗ trợ*

- Thực hiện theo các nguyên tắc chung phân bổ vốn hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách huyện, thành phố nêu tại điều 1, phần IV quy định này.

- Mức vốn hỗ trợ:

+ Đối với các dự án chuyên tiếp: Mức vốn hỗ trợ không vượt quá nhu cầu vốn còn lại của dự án đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hoặc được Ủy ban nhân dân tỉnh thông nhất chủ trương hỗ trợ.

+ Đối với các dự án mới khởi công trong giai đoạn 2016 - 2020: Mức hỗ trợ theo quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư của cơ quan có thẩm quyền.

(5) Hỗ trợ có mục tiêu để thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới từ nguồn vốn vay tín dụng ưu đãi của Ngân hàng phát triển Việt Nam.

Về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn vốn vay tín dụng ưu đãi của Ngân hàng phát triển Việt Nam giai đoạn 2016 - 2020 thực hiện theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

#### **V. NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ PHÂN BỐ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CHO CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA, CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU VÀ VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ**

Thực hiện theo quy định của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2015 về việc ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 và các quy định khác của Trung ương có liên quan./.

---